

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5- 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điều Toàn

2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long— Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1992 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ 3, ấp 4, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị L và anh N kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, mỗi lần đi nhậu về là đập phá đồ đạc trong nhà, nhiều lần chị L bỏ qua nhưng anh N vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm nên chị L yêu cầu ly hôn với anh N.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Điều Đình Lĩnh, sinh ngày 10/3/2013 khi ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: anh Đ đã được Tòa án nhân dân huyện H tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lý do. Anh N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Phía bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn, anh N vắng mặt suốt quá trình giải quyết của Tòa án, không có ý kiến về việc ly hôn nên coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị L được ly hôn với anh Đ. Các vấn đề khác do đương sự chưa hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị L khởi kiện vụ án ly hôn đối với bị đơn anh Đ cư trú tại xã A, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, phía nguyên đơn cũng yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 20/3/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, mỗi lần đi nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà, đến nay đã không còn tình cảm. Theo biên bản xác minh tại địa phương cũng cho thấy trong thời gian chung sống giữa anh N và chị L có phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của chị L và hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống cùng. Như vậy, có cơ sở xác định mục đích hôn nhân của các bên đã không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Đối với con chung Điều Đình L hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ nên khi giao con cần xem xét nguyện vọng của con. Chị L có yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn còn anh N không có yêu cầu gì. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Điều Đình Lĩnh, sinh ngày 10/3/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[6] Tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Giao con chung Điều Đình L, sinh ngày 10/3/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L chưa yêu cầu nên Tòa án không xét xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Thị T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001736 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện H
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng

